

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: 23-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1989

PHÁP LỆNH

Thi hành án dân sự

Để bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định về dân sự của Tòa án; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 137 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định việc thi hành các bản án, quyết định về dân sự của Tòa án.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Những bản án, quyết định về dân sự của Tòa án.

Những bản án, quyết định về dân sự của Tòa án nói trong Pháp lệnh này bao gồm những bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, các quyết định về tài sản trong các bản án hình sự, các bản án và quyết định khác do pháp luật quy định.

Điều 2: Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án.

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được các đương sự nghiêm chỉnh thi hành, các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng.

Điều 3: Những bản án, quyết định được thi hành.

Những bản án, quyết định được thi hành theo Pháp lệnh này bao gồm:

1- Những bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật:

- a) Bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm;
- b) Bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm;
- c) Bản án, quyết định của Toà án cấp phúc thẩm;
- d) Quyết định của Toà án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm;
- đ) Bản án, quyết định của Toà án nước ngoài đã được Toà án Việt Nam công nhận.

2- Những bản án, quyết định của Toà án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay:

- a) Bản án, quyết định sơ thẩm về cấp dưỡng, trả công lao động, nhận người lao động trở lại làm việc hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của công dân mà Toà án cho thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị;
- b) Quyết định khẩn cấp tạm thời để bảo đảm lợi ích cấp thiết của đương sự hoặc bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án.

Điều 4: Thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

1- Chánh án Toà án đã xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án hoặc uỷ thác cho Chánh án Toà án nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc hoặc có tài sản liên quan đến việc thi hành án, ra quyết định thi hành.

Đối với bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm thì Chánh án Toà án nhân dân tối cao ra quyết định giao cho Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc hoặc có tài sản liên quan đến việc thi hành án, ra quyết định thi hành. Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh có thể uỷ thác cho Chánh án Toà án nhân dân cấp dưới nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc hoặc có tài sản liên quan đến việc thi hành án, ra quyết định thi hành.

2- Chánh án Toà án quân sự có thể uỷ thác cho Chánh án Toà án nhân dân nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc hoặc có tài sản liên quan đến việc thi hành án, ra quyết định thi hành đối với dân thường bị xét xử tại Toà án quân sự hoặc đối với người phải thi hành án là cán bộ, chiến sĩ Lực lượng an ninh nhân dân hoặc

Quân đội nhân dân bị toà án quân sự xét xử mà không còn ở trong lực lượng vũ trang nhân dân.

3- Toà án nhận uỷ thác có nhiệm vụ thực hiện uỷ thác và thông báo kết quả thi hành án cho Toà án đã uỷ thác.

Điều 5: Biện pháp thi hành án.

Khi bản án, quyết định của toà án được đưa ra thi hành thì người phải thi hành án có nghĩa vụ tự nguyện thi hành; nếu không tự nguyện thi hành thì chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành.

Điều 6: Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân trong việc thi hành án.

1- Chính quyền địa phương các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Toà án nhân dân trong việc tổ chức thi hành án.

2- Lực lượng Cảnh sát nhân dân có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, ngăn chặn những hành vi cản trở, chống đối việc cưỡng chế thi hành án theo yêu cầu của Chánh án Toà án nhân dân hoặc của chấp hành viên.

3- Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hữu quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và công dân có trách nhiệm giúp đỡ, thực hiện yêu cầu của chấp hành viên trong việc thi hành án.

Điều 7 :Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có liên quan đến việc thi hành án.

Người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến việc thi hành án được tham gia vào việc thi hành án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 8: Kiểm sát việc thi hành án.

Việc kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của đương sự, Toà án, cơ quan Nhà nước khác, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án, nhằm bảo đảm các bản án, quyết định của Toà án được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời theo quy định tại các điều 15, 16 và 17 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

CHẤP HÀNH VIÊN

Điều 9: Chấp hành viên.

Chấp hành viên là người được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các bản án, quyết định của Tòa án quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh này.

Điều 10: Nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên.

Chấp hành viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1- Triệu tập đương sự, người có liên quan đến trụ sở Tòa án hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thi hành án để thực hiện việc thi hành án;
- 2- Định cho người phải thi hành án thời hạn không quá một tháng để tự nguyện thi hành;
- 3- áp dụng các biện pháp cưỡng chế quy định tại Chương IV của Pháp lệnh này;
- 4- Yêu cầu chính quyền địa phương, cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp xử lý tang vật, tài sản và những việc khác có liên quan đến việc thi hành án;
- 5- Đề nghị Chánh án Tòa án nơi chấp hành viên công tác ra quyết định hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, đình chỉ thi hành án, trả lại đơn yêu cầu thi hành án hoặc phạt tiền người cố tình không thi hành án;
- 6- Yêu cầu Tòa án đã ra bản án hoặc quyết định giải thích những điểm chưa rõ để thi hành;
- 7- Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành án và đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc khởi tố vụ án hình sự đối với người vi phạm.

Chấp hành viên phải thi hành bản án, quyết định của Tòa án đúng pháp luật và chịu trách nhiệm về hành vi trái pháp luật của mình.

Điều 11: Bổ nhiệm, miễn nhiệm chấp hành viên.

Người có phẩm chất chính trị, trung thực, khách quan, có kiến thức pháp lý cần thiết và nắm vững nghiệp vụ thi hành án, có tinh thần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa thì có thể được bổ nhiệm làm chấp hành viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chấp hành viên do Bộ trưởng Bộ tư pháp quyết định, theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân địa phương.

Điều 12: Chế độ đối với chấp hành viên.

Chấp hành viên được cấp trang phục, phù hiệu, thẻ chấp hành viên để sử dụng khi làm nhiệm vụ và được hưởng thang bậc lương riêng theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Chương III

THỦ TỤC THI HÀNH ÁN

Điều 13: Căn cứ để thi hành án.

Khi bản án, quyết định của Tòa án được thi hành thì Tòa án đã tuyên bản án hoặc ra quyết định đó phải cấp cho người được thi hành án và người phải thi hành án bản trích lục bản án hoặc quyết định có ghi: "để thi hành".

Điều 14: Quyền yêu cầu thi hành án.

Người được thi hành án căn cứ vào bản trích lục bản án, quyết định có quyền yêu cầu người phải thi hành án thi hành.

Nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người được thi hành án có quyền gửi đơn đến Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm hoặc sở thẩm đồng thời là chung thẩm vụ án để yêu cầu thi hành án, Bản trích lục bản án, quyết định của Tòa án phải được gửi kèm theo đơn yêu cầu thi hành án.

Điều 15: Chánh án Tòa án chủ động ra quyết định thi hành án.

Những bản án, quyết định được Chánh án Tòa án chủ động ra quyết định thi hành bao gồm:

- 1- Bản án, quyết định nói tại khoản 2 Điều 3 của Pháp lệnh này;
- 2- Bản án, quyết định về trả lại tài sản hoặc bồi thường thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa, phạt tiền, tịch thu tài sản và án phí.

Điều 16: Thời hiệu thi hành án.

1- Trong thời hạn ba năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án là công dân có quyền gửi đơn đến Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm hoặc sở thẩm đồng thời là chung thẩm vụ án để yêu cầu thi hành án. Trong thời hạn